

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2020/DS-PT

Ngày: 30 - 11 - 2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài

sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ;

Bà Phan Thị Mai Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2020/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 259/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Số A, tổ 14, đường X, khu phố L T, phường LT B, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Số Y, khu phố Hiệp Nghĩa, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1966; có mặt.

2.2. Ông Trần Trung H, sinh năm 1966; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Nguyễn Kim Hoàng, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Trần Thị Kim Th, sinh năm 1994; có mặt.

Bà Ch, ông H, chị Th cùng địa chỉ cư trú: Số Z, hẻm ..., đường Nguyễn Chí Th, khu phố LT, phường LTT, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

4. *Người kháng cáo:*

- Bà Nguyễn Thị Ch, ông Trần Trung H - là bị đơn;
- Chị Trần Thị Kim Th - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 20 tháng 01 năm 2020, lời trình bày của bà Trần Thị Mỹ L và của người đại diện hợp pháp của bà L là anh Trần Quốc T trong quá trình thu thập chứng cứ thể hiện như sau:

Ngày 17-9-2019, bà L có cho bà Nguyễn Thị Ch và ông Trần Trung H vay số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bên ngoài 02%/tháng, vay để trả nợ ngân hàng, thỏa thuận đến ngày 17-10-2019 trả tiền cho bà, nhưng đến nay vẫn chưa trả tiền vốn, tiền lãi cho bà. Giấy nợ do bà Ch và chị Th ký tên, ông H không ký tên, bà L ghi nội dung.

Ngày 26-9-2019, bà L có cho bà Ch và ông H vay số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bên ngoài 02%/tháng, vay để trả nợ ngân hàng, thỏa thuận đến ngày 26-11-2019 trả tiền cho bà, nhưng đến nay vẫn chưa trả tiền vốn, tiền lãi cho bà. Giấy nợ do bà Ch và chị Th ký tên, ông H không ký tên nhưng chị Th là người giả chữ ký, chữ viết tên của ông H ký vào giấy nợ cho bà L, bà L ghi nội dung.

Nay bà L yêu cầu ông H, bà Ch trả số tiền vốn vay còn nợ là 950.000.000 đồng và lãi suất theo quy định là 0,83%/tháng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Ch trình bày:*

Bà chỉ biết bà L do bà L làm ăn chung với chị Th, bà xác nhận bà có ký 02 giấy vay tiền của bà L như bà L trình bày, nhưng bà chỉ ký với tư cách chứng kiến

chị Th vay tiền của bà L. Do chị Th là con gái của bà nên chị Th vay tiền thì bà ký tên để đảm bảo phụ trả tiền cho con, không có trực tiếp giao dịch và vay tiền của bà L, mọi việc chỉ có chị Th và bà L biết. Việc bà ký giấy vay tiền của bà L hứa phụ chị Th trả nợ không có báo cho ông H biết vì việc làm ăn của chị Th để chị Th tính, bà không biết. Bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà L vì bà không vay.

Ông Trần Trung H trình bày: Ông không biết việc làm của bà Ch và chị Th, ông cũng không quen biết bà L cho đến khi bà L đòi nợ. Ông không vay tiền cũng không ký tên vào giấy nợ do bà L xuất trình, bà Ch chị Th cũng không báo cho ông biết. Nay ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Kim Th trình bày:

Chị quen biết bà L do chị có làm chủ hội, bà L có tham gia tư cách hội viên, chị có vay tiền của bà L số tiền 600.000.000 đồng. Chị xác nhận có ký 02 giấy nợ như bà L trình bày nhưng việc chị ghi tên ông H là do bà L yêu cầu, còn việc vay mượn tiền là chính chị vay tiền của bà L, với hình thức góp hội lại cho bà L. Cụ thể: Ngày 17-9-2019, chị là người vay của bà L số tiền 350.000.000 đồng (có làm giấy tay) và nợ bà L tiền hội 250.000.000 đồng, tổng cộng nợ là 600.000.000 đồng. Ngày 26-9-2019, chị và bà Ch (mẹ chị) ký giấy nợ 600.000.000 đồng nhưng không thu lại giấy vay trước 350.000.000 đồng, Tòa án buộc cha mẹ chị trả 950.000.000 đồng là không chính xác. Chị đồng ý trả cho bà L 600.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi cho bà L vì trong số tiền 600.000.000 đồng đã tính tiền lãi rồi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2020/DSST ngày 17-9-2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành đã quyết định;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ L đối với ông Trần Trung H, bà Nguyễn Thị Ch.

- Buộc ông Trần Trung H, bà Nguyễn Thị Ch cùng có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Mỹ L tổng số tiền còn nợ là 1.043.126.000 (một tỷ, không trăm bốn mươi ba triệu, một trăm hai mươi sáu ngàn) đồng. (Trong đó tiền vốn vay là 950.000.000 đồng, tiền lãi là 93.126.000 đồng).

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 23-9-2020, bà Nguyễn Thị Ch, ông Trần Trung H kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn cho rằng không có vay tiền của bà L mà số nợ của chị Th quan hệ chơi hụi với bà L.

- Ngày 28-9-2020, ông H kháng cáo bổ sung yêu cầu xem xét ông không có ký tên giấy nợ với bà L.

- Ngày 25-9-2020, chị Trần Thị Kim Th kháng cáo, nhận trách nhiệm một mình vay tiền của bà L 600.000.000 đồng, đồng ý trả nợ cho bà L, đề nghị không buộc ông H, bà Ch trả nợ cho bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện bà L và bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Ch, ông H, chị Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - Luật sư Hoàng trình bày:

+ Đối với bà Ch: Thừa nhận có ký giấy nợ với bà L nhưng chỉ ký với tư cách người làm chứng vì số nợ trên là của chị Th chơi hụi với bà L. Chứng cứ là chị Th có nộp cho Tòa 04 giấy hụi chứng minh chị Th chơi hụi với bà L.

+ Đối với ông H: Ông không có ký tên giấy nợ với bà L, cũng không có ủy quyền cho chị Th vay nợ của bà L, trong các văn bản có trong hồ sơ thể hiện chị Th giả mạo chữ ký ông H ký vào giấy nợ bà L. Do đó, đề nghị Hội đồng xem xét đây là hợp đồng giả tạo nên bị vô hiệu theo quy định tại Điều 124 Bộ luật Dân sự; cấp sơ thẩm xét xử buộc ông H, bà Ch trả nợ là không có căn cứ, đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ án sơ thẩm.

Chị Th trình bày: Giấy nợ 600.000.000 đồng chị không có ký giả mạo chữ ký ông H mà chị ký tên của chị và ghi bằng chữ tên “Trần Trung H”. Về số nợ cha mẹ chị không liên quan mà do chị vay bà L cộng nợ hụi là 600.000.000 đồng nên chị nhận trách nhiệm trả, đề nghị không buộc cha mẹ chị trả nợ.

Nguyên đơn, bị đơn không tranh luận.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, bà Ch, chị Th; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của bà Ch, ông H, chị Th, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ch, ông Trần Trung H phải trả cho bà số tiền vay 950.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay. Bà Ch, ông H không thừa nhận nợ bà L nên không đồng ý trả. Chị Th thừa nhận có nợ bà L số tiền 600.000.000 đồng và nhận trách nhiệm một mình trả nợ cho bà L.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng:

[3.1] Về chứng cứ: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L có xuất trình 02 giấy tay vay nợ nội dung:

+ Ngày 17-9-2019, bà L có cho bà Ch và ông H vay số tiền 350.000.000 đồng, giấy vay không ghi lãi suất, thời hạn đến 17-10-2019 trả, có chữ ký của người vay là bà Nguyễn Thị Ch, chị Trần Thị Kim Th, trong đó chị Th ghi chữ “thay ba”;

+ Ngày 26-9-2019, bà L có cho bà Ch và ông H mượn số tiền 600.000.000 đồng, không ghi lãi suất thỏa thuận đến ngày 26-11-2019 trả, có chữ ký của người mượn là bà Nguyễn Thị Ch, ông Trần Trung H, chị Trần Thị Kim Th, trong đó chị Th ghi chữ “thay ba”.

[3.2] Xét kháng cáo của ông H: Cả hai giấy nợ ông H đều không có ký tên, giấy nợ ngày 26-9-2019 mặc dù có chữ viết “Trần Trung H” nhưng do chị Th viết, tình tiết này được bà L, bà Ch, chị Th thừa nhận nên chứng cứ không cần phải chứng minh. Bà L cho rằng cho ông H, bà Ch vay tiền để trả nợ ngân hàng nhưng bà không chứng minh được ông H, bà Ch nợ ngân hàng nào, không chứng minh được việc bà Ch vay tiền của bà L nhằm phục vụ cho nhu cầu chung của gia đình bà Ch và ông H, ông H không có ủy quyền cho chị Th định đoạt thay ông H “thay ba” trong việc vay nợ bà L. Cấp sơ thẩm buộc ông H trả nợ cho bà L là không có cơ sở, nên kháng cáo của ông H và đề nghị của luật sư là có căn cứ.

[3.3] Xét kháng cáo của bà Ch, thấy rằng: Cả hai giấy nợ bà Ch đều thừa nhận có cùng chị Th (con bà) ký tên “người mượn”, trong quá trình giải quyết bà thừa nhận việc bà ký giấy vay tiền do bà L xuất trình, nhưng số nợ này do chị Th nợ bà L 600.000.000 đồng, mục đích bà ký là “*hứa phụ chị Th trả nợ*” không có báo cho ông H biết. Tuy nhiên, bà cũng không chứng minh được số tiền này là nợ riêng của chị Th. Do đó, bà phải chịu trách nhiệm trả nợ cho bà L là có căn cứ.

[3.4] Xét kháng cáo của chị Th, thấy rằng: Cả hai giấy nợ chị đều thừa nhận có cùng bà Ch (mẹ chị) ký tên “người mượn”. Chị cho rằng ngày 17-9-2019, chị là người vay của bà L số tiền 350.000.000 đồng (có làm giấy tay) và nợ bà L tiền hụi 250.000.000 đồng, tổng cộng nợ là 600.000.000 đồng. Ngày 26-9-2019, chị và bà Ch (mẹ chị) ký giấy nợ 600.000.000 đồng nhưng không thu lại giấy vay trước 350.000.000 đồng nhưng chị không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, không có chứng cứ chị đã trả lãi cho bà L từ ngày vay đến ngày bà L khởi kiện. Trong quá trình giải quyết chị có xuất trình 04 giấy hụi do chị làm chủ bà L tham gia hụi viên, tất cả các dây hụi bà L đã hót, chị đã đăng đầy đủ không có chứng cứ chị nợ bà L số tiền hụi này. Do đó, lời trình bày của chị Th (gộp nợ hụi vào nợ vay) là không có cơ sở xem xét. Hội đồng xét xử kết luận bà Ch, chị Th nợ bà L số tiền gốc 950.000.000 đồng là có căn cứ. Chị Th nhận trách nhiệm một mình trả nợ cho bà L là không phù hợp mà số nợ này bà Ch và chị Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L là có căn cứ theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật Dân sự. Cấp sơ thẩm không buộc chị Th liên đới với bà Ch trả nợ cho bà L là thiếu sót, nên cần sửa án sơ thẩm.

Luật sư cho rằng hợp đồng vay tài sản trên vô hiệu do giả tạo đề nghị hủy án sơ thẩm là không có cơ sở bởi lẽ: Trong quá trình giải quyết bà L, bà Ch, chị Th đều xác nhận chị Th ký vào giấy vay chứ không phải ông H ký, Tòa án cấp phúc thẩm như nhận định trên cũng đã loại trừ nghĩa vụ trả nợ của ông H nên đề nghị hủy án của luật sư không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Về lãi suất: Trong giấy vay nợ không thỏa thuận trả lãi, trong quá trình giải quyết các đương sự cũng không xác định được số tiền lãi phải trả. Bà L yêu cầu Tòa án tính lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày vay đến ngày 17-9-2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; tiền lãi được tính như sau:

- Tiền gốc 350.000.000 đồng x 0,83%/tháng (tính từ ngày 17 – 9 – 2019 đến ngày 17 – 9 – 2020) = 2.905.000 đồng x 12 tháng = 34.860.000 đồng;

- Tiền gốc 600.000.000 đồng x 0,83%/tháng (tính từ ngày 26 – 9 – 2019 đến ngày 17 – 9 – 2020) là 11 tháng 21 ngày x 0,83%/tháng = 58.266.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi là 93.126.000 đồng.

Cấp sơ thẩm tính lãi suất cộng vốn vay thành tiền là 1.043.126.000 đồng là có căn cứ.

Từ những tình tiết chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H, không chấp nhận kháng cáo của bà Ch, chị Th; Buộc bà Ch và chị Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L tổng tiền là 1.043.126.000 (một tỷ, không trăm bốn mươi ba triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn) đồng, là phù hợp tại Điều 288, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Do không xác định phần nợ của mỗi người là bao nhiêu nên bà Ch, chị Th phải chịu trách nhiệm chung trên tổng số tiền phải trả cho bà L.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ch và chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14, cụ thể số tiền phải trả 1.043.126.000 đồng, phải chịu án phí là 36.000.000 đồng + (243.126.000 đồng x 3%) = 43.293.780 đồng (viết tròn số là 43.293.000 đồng, trong đó bà Ch và chị Th mỗi người chịu ½ thành tiền là

21.646.500 đồng. Cấp sơ thẩm buộc ông H chịu án phí là không đúng nên cần điều chỉnh lại người chịu án phí cho phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án bị sửa một phần, yêu cầu của ông H được chấp nhận nên ông H không phải chịu án phí phúc thẩm; yêu cầu của bà Ch, chị Th không được chấp nhận nên bà Ch, chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Trung H;
- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ch, chị Trần Thị Kim Th.

Sửa một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số: 36/2020/DSST ngày 17 – 9 – 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 288, 463, 466 khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Trần Thị Mỹ L đối với ông Trần Trung H;

Ông Trần Trung H không có nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị Mỹ L.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Trần Thị Mỹ L đối với bà Nguyễn Thị Ch.

Buộc bà Nguyễn Thị Ch và chị Trần Thị Kim Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Mỹ L tổng số tiền là 1.043.126.000 (một tỷ, không trăm bốn mươi ba triệu, một trăm hai mươi sáu ngàn) đồng. (Trong đó tiền vốn vay là 950.000.000 đồng, tiền lãi là 93.126.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm dân sự:

- Hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.250.000 đồng (hai mươi triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0008434 ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Ch cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh.

- Bà Nguyễn Thị Ch phải chịu số tiền 21.646.500 (hai mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm) đồng.

- Chị Trần Thị Kim Th phải chịu số tiền 21.646.500 (hai mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm) đồng.

4. Về án phí phúc thẩm dân sự:

- Chị Trần Thị Kim Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo Biên lai thu tiền số: 0009101 ngày 28 – 9 – 2020 của Ch cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (chị Th đã nộp xong).

- Bà Nguyễn Thị Ch phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo Biên lai thu tiền số: 0009100 ngày 28 – 9 – 2020 của Ch cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (bà Ch đã nộp xong).

- Hoàn trả ông Trần Trung H số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn) tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số: 0009099 ngày 28 – 9 – 2020 của Ch cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TX Hòa Thành;
- CCTHADS TX Hòa Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tâm